

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Sinh .
2. Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Kiều –Kiểm sát viên

Trong các ngày 25 và 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25-11-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thùy TR, sinh năm 1962 (có mặt).
- *Bị đơn:* Phạm Minh Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: K2,TTR, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-9-2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy TR trình bày: Vào năm 1980, bà TR và ông Đ có sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết

hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Phạm Thị Y K, sinh năm 1988; Phạm Minh T, sinh năm 1990; Phạm Thị S, sinh năm 1995. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống do ông Đ thường xuyên uống rượu và có động thái xúc phạm nhân phẩm bà TR. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đi dần rạn nứt có tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc. Nay bà TR làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết những vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy TR xin được ly hôn với ông Phạm Minh Đ.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Y K, sinh năm 1988; Phạm Minh T, sinh năm 1990; Phạm Thị S, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Minh Đ trình bày: Ông Đ thống nhất theo lời trình bày của bà TR là vào năm 1980, ông Đ và bà TR có sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Phạm Thị Y K, sinh năm 1988; Phạm Minh T, sinh năm 1990; Phạm Thị S, sinh năm 1995. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là vấn đề sinh hoạt chi tiêu trong gia đình. Đến tháng 9-2019 vợ chồng có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nên có cãi vã qua lại, trong lúc nóng giận ông Đ có đánh bà TR một bạt tay, sau đó bà TR bỏ nhà đi đến nay. Nên qua yêu cầu của bà TR thì ông Đ có ý kiến sau:

+ Về hôn nhân: Ông Phạm Minh Đ không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy TR, vì còn thương bà TR.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Y K, sinh năm 1988; Phạm Minh T, sinh năm 1990; Phạm Thị S, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy TR. Bà Nguyễn Thị Thùy TR và ông Phạm Minh Đ được ly hôn.

+ Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Đây là vụ án ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Minh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, mà vẫn vắng tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Minh Đ tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy TR và ông Phạm Minh Đ đều thừa nhận là chung sống với nhau từ năm 1980, có tổ chức đám cưới nhưng đến thời điểm hiện nay thì chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà TR ông Đ chung sống thời điểm trước ngày 03-01-1987, có tổ chức đám cưới theo phong tục và chung sống với nhau liên tục nên xét thấy đây là hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên hôn nhân giữa bà TR và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Từ năm 2016, bà TR và ông Đ thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên do ông Đ có hành vi bạo hành và có động thái xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà TR. Tại phiên hòa giải ngày 24-10-2019, ông Đ cũng thừa nhận là vào tháng 9-2019 có hành vi bạo hành với bà TR và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì ông Đ không hàn gắn tình cảm với bà TR, tại phiên hòa giải Tòa án cũng tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà TR cương quyết ly hôn với ông Đ vì tình cảm không còn. Bên cạnh đó, ngày 29-7-2016, bà TR có yêu cầu ly hôn tại Tòa án nhưng bà TR muốn tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên đã rút

đơn khởi kiện ngày 23-8-2016. Nhưng bà TR thấy ông Đ vẫn không thay đổi, vẫn thường có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà TR. Nay nhận thấy tình cảm không còn, sống chung cũng không hạnh phúc nên bà TR cương quyết ly hôn với ông Đ. Hội đồng xét xử xét thấy: quan hệ hôn nhân của bà TR và ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy TR.

[3] Về con chung: Bà TR và ông Đ có 03 con chung tên Phạm Thị Y K, sinh năm 1988; Phạm Minh T, sinh năm 1990; Phạm Thị S, sinh năm 1995. Hiện đã trưởng T và có gia đình riêng nên các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, bà Nguyễn Thị Thùy TR phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Phạm Minh Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy TR.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thùy TR và ông Phạm Minh Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Hiện đã trưởng T và có gia đình riêng nên bà TR và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà TR và ông Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Bà Nguyễn Thị Thùy TR phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0008311 ngày 23-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp; bà Nguyễn Thị Thùy TR đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Phạm Minh Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27-11-2019). Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND thị trấn S;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Mỹ Hương